TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN *HUYỆN C*, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng

2. Bà Nguyễn Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST, ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M (tự là T), sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 12, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

* Bị đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Thế V; cùng trú tại: Tổ 3, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Các bên vắng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Do chòm xóm quen biết nên Bà M có tham gia chơi hụi do Bà H làm chủ hụi như sau:

Hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, khui ngày 25-8-2015 âm lịch nhằm ngày 07-10-2015 dương lịch, hụi gồm 34 phần, Bà M tham gia 01 phần, đóng được 33 kỳ thì Bà H tuyên bố bể hụi không giao tiền hụi cho bà. Tổng số tiền Bà M đã đóng hụi vốn là 72.020.000 đồng, lãi Bà H tự tính là 26.980.000 đồng.

Ngày 03-5-2018 âm lịch là ngày 16-6-2018 dương lịch, Bà H tự gút nợ tổng số tiền vốn Bà M đóng hụi cho Bà H là 72.020.000 đồng, lãi thỏa thuận là 26.020.000 đồng. Khấu trừ số tiền bản án tuyên Bà H phải trả là 6.330.000 đồng, số tiền Bà H, ông V còn nợ lại bà là 92.670.000 đồng.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 Bà M có đơn khởi kiện bổ sung cho rằng dây hụi bà tham gia gồm 34 phần bà đã đóng 33 kỳ, kỳ cuối bà hốt, hụi viên không ai là không đóng hụi nhưng do Bà H không muốn đăng hụi để trả hụi vốn nên tuyên bố bể hụi. Dây hụi này đã mãng không bể hụi nên bà được hưởng hụi chết theo quy định là 99.00.000 đồng, trừ cò còn lại lại là 97.500.000 đồng, lãi yêu cầu theo quy định từ ngày gút nợ cho đến nay là 38.000.000 đồng. Tổng số tiền Bà H, ông V phải trả cho bà là 136.344.000 đồng. Phần tiền khởi kiện bổ sung là 136.344.000 đồng – tiền đã kiện 92.670.000 = 43.674.000 đồng.

Bà M khởi kiện yêu cầu ông V, Bà H có trách nhiệm trả cho bà số tiền 136.344.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ khi gút nợ cho đến nay.

Bà M yêu cầu Tòa án xem xét dây hụi bà tham gia đã mãng, bà là người hốt cuối cùng nhưng Bà H không đăng và tự viết giấy nợ chỉ trả hụi vốn cho bà, nếu được hốt thì bà được hốt và nhận 99.000.000 đồng. Do Bà H đã viết giấy nợ nên bà khởi kiện theo giấy nợ. Nay bà vẫn yêu cầu vợ chồng Bà H, ông V trả nợ hụi cho bà số tiền là 136.344.000 đồng. Lý do trong giấy nợ của Bà H viết tên Tứ là tên của chồng bà nên trong giấy gút nợ ghi tên Tứ còn bà tên Nguyễn Thị Minh.

** Theo bị đơn Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V trình bày:*

Bà H trình bày bà thống nhất với dây hụi Bà M tham gia do bà làm chủ hụi. Số tiền gút trong giấy nợ hụi là do con bà viết và hai bên thỏa thuận, do bà đang chấp hành án nên không có khả năng trả lãi cho Bà M , bà xin không tính lãi chỉ đồng ý trả vốn còn lại là 65.690.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Thế V, ông V không biết việc bà làm, Bà H không đồng ý Bà M yêu cầu ông V cùng trả số tiền trên.

Ông V trình bày, việc Bà H vợ ông chơi hụi cùng các hụi viên ông không biết. Tại thời điểm đó ông đi làm cho 02 công ty là bảo hiểm và bưu điện Châu Thành, thu nhập mỗi tháng của ông là 40.000.000 đồng đủ trang trải trong gia đình nên việc làm của vợ ông không nhằm mục đích lo cho gia đình, khi nhiều người đến nhà ông đòi nợ thì ông mới biết nên ông không đồng ý trả số nợ trên cho Bà M .

Tại Toà vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tống đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị M , buộc Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi được hưởng là 97.500.000 đồng và tiền lãi của số tiền hụi theo quy định.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về Điều luật áp dụng: Hụi các bên xảy ra và gút nợ vào năm 2018 nên áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thế V và Bà Võ Thị Thu H trả số tiền 136.344.000 (một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng tiền hụi được hưởng và lãi theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các khoản nợ hụi giữa Bà Nguyễn Thị M và Bà Võ Thị Thu H là chủ hụi đã thống nhất về thời gian mở hụi, bể hụi, giấy gút nợ hụi do Bà H viết cho bà M, lời trình bày của Bà H là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3.1] Đối với số tiền nợ hụi trên Bà H có viết biên nhận nợ cho Bà M , tổng số tiền hụi vốn bà M đã đóng cho dây hụi là 72.020.000 đồng, khấu trừ bản án Hình sự Bà M đã nhận 6.330.000 đồng, còn nợ lại 65.690.000 đồng. Theo Bà H do hụi bể nên Bà H đồng ý trả số tiền nợ hụi vốn này cho Bà M và không tính lãi, lời trình bày của Hương Hội đồng xét xử thấy rằng: Dây hụi này các bên xác nhận là Bà M có tham gia và đã đóng được 33 kỳ, hụi 34 phần, Bà M là người hốt hụi cuối cùng nên không thể tuyên bố bể hụi không giao hụi cho Bà M là không hợp lý. Vì các hụi viên không gựt hụi và tham gia đóng hụi đầy đủ, việc Bà H không đi gom hụi, đăng hụi chót cho Bà M là lỗi của Bà H, bà chưa làm hết trách nhiệm của chủ hụi nên bà phải chịu trách nhiệm về việc không gom hụi, đăng hụi cho Bà M . Bà H tuyên bố bể hụi trong khi dây hụi này còn kỳ hụi chót là cố tình để tính hụi vốn trả lại cho Bà M là không phù hợp. Giấy gút nợ hụi của Bà H tính hụi vốn làm thiệt hại, ảnh hưởng đến quyền lợi ích chính đáng được hưởng của Bà M , Bà H chỉ đồng ý trả lại hụi vốn cho Minh đã đóng dây hụi đã mãng này là chưa phù hợp, lời trình bày của Bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo Bà M dây hụi trên bà đóng đủ đến mãng. Bà là người hốt cuối thì Bà H không đăng hụi tuyên bố bể hụi tính hụi vốn là thiệt hại cho bà nên bà yêu cầu tính theo hụi được hưởng hụi chết là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Giấy gút nợ hụi của Bà H không phù hợp nên hụi được tính như sau: Hụi 3.000.000 đồng, đóng được 33 kỳ là 99.000.000 đồng nếu được hốt trừ cò là 1.500.000 đồng được hưởng là 97.500.000 đồng là phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chứng cứ Bà M khởi kiện trong vụ án là giấy gút nợ hụi và lãi là phô tô, không có bản chính vì bản chính đã nộp trong hồ sơ Hình sự xét xử Bà H. Tòa án đã sao lục sổ hụi của dây hụi trong hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh cung cấp thì dây hụi trên Bà M đã đóng được 33 kỳ hụi và kỳ cuối được hốt nhưng Bà H không đăng hụi là thật nên chứng cứ Bà M khởi kiện là phù hợp.

[3.2] Đối với yêu cầu của Bà M buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế V và Bà Võ Thị Thu H cùng có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Bà H làm chủ hụi và mở nhiều dây hụi trong một thời gian dài với nhiều sổ sách tính toán, mỗi khi khui hụi thì có nhiều người đến nhà, cũng như việc Bà H đi gom hụi hàng ngày. Trong khi ông V và Bà H là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân sống chung nhà nên phải biết, thu nhập hàng tháng của Bà H cũng là cùng ông V lo cho cuộc sống gia

đình, cuộc sống chung. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với Bà H tại tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì ông V cũng có cam kết bán toàn bộ tài sản chung của vợ chồng để trả cho tất cả bà con tham gia hụi còn nợ, một số giấy nợ của những người tham gia hụi của Bà H thì ông V có ký xác nhận nợ đồng ý trả nợ thay cho Bà H nên cần buộc vợ chồng ông V, Bà H cùng có trách nhiệm trả nợ cho Bà M là phù hợp.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà M đối với số tiền nợ hụi của Bà H và ông V là phù hợp.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi của Bà M đối với số tiền nợ hụi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà M yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Lãi được tính như sau:

- Ngày 16-6-2018 là ngày gút nợ, đến ngày xét xử 20-4-2022 là 46 tháng 4 ngày số tiền chậm trả 97.500.000 đồng, với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 37.333.000 đồng làm tròn.

Bà H xin không trả lãi vì đang chấp hành án không có khả năng trả lãi nhưng Bà M không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận cho lời trình bày của Bà H về phần lãi.

Như vậy, Bà H, ông V phải trả tổng số tiền vốn và lãi chậm trả cho Bà M tính đến ngày xét xử là 97.500.000 đồng tiền nợ hụi + 37.333.000 đồng tiền lãi thành 134.833.000 (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

Đối với Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là phần đất tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vẫn tiếp tục có hiệu lực đến khi có quyết định khác thay thế.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông V và Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị M về tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V.

Buộc Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V cùng có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị M tổng số tiền nợ hụi là 134.833.000 (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba ngàn) đồng. Trong đó tiền nợ hụi vốn là 97.500.000 đồng; lãi 37.333.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Bà H, ông V phải chịu 6.741.500 (sáu triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà M không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí Bà M đã nộp tổng cộng 3326.000 đồng theo các biên lai thu số 0007148 ngày 12 tháng 3 năm 2021 và biên lai thu số 0017284 ngày 05 tháng 4 năm 2022. Bà M được nhận lại số tiền trên.

Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là phần đất tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vẫn tiếp tục có hiệu lực đến khi có quyết định khác thay thế.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự huyện C
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Cái Thị Minh Tâm